

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST  
Ngày: 14-3-2023  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.
2. Ông Lê Văn Đạo.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 200/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

\* N đơn: **Võ Thị Y**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

\* Bị đơn: 1/ **Trần Phạm Đức N**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

2/ **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn Võ Thị Y trình bày:

Vào năm 2016, bà Võ Thị Y có bán thức ăn và thuốc thủy sản tại nhà không có đăng ký kinh doanh, địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre. Do việc kinh doanh

không có hiệu quả, do đó bà nghỉ, không còn bán nữa. Trong thời gian bà Võ Thị Ybán thức ăn và thuốc thủy sản thì bên ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O có mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà Ynhiều lần cụ thể như sau:

Từ ngày 08/05/2016 đến ngày 20/11/ 2016, vợ chồng ông N, bà O có mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ lại bà Ysố tiền là **52.731.000 đồng** (Năm mươi hai triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng), hai bên có ký nhận số tiền trên

Từ ngày 19/12/2016 đến ngày 31/5/2017, ông N và bà O có mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ bà Ysố tiền là 91.733.000 đồng (Chín mươi một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Từ ngày 07/6/2017 đến ngày 09/6/2017, bên bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O đã hoàn trả cho bà Ysố tiền là 51.464.000 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Như vậy, số tiền bên bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O còn nợ lại bà Ylà 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

Ngày 07/6/2017, bên bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O có ký nhận vào giấy nợ và cam kết trả cho bà Ysố nợ nêu trên, tuy nhiên, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bên bà Ynhiều lần đến nhà gặp vợ chồng ông Trần Phạm Đức N, bà Nguyễn Thị O để đòi số tiền nợ còn thiếu, tuy nhiên bên bị đơn lần tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn Võ Thị Ycó yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Ynêu yêu cầu bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O mỗi người phải trả phân nửa số nợ nói trên và lãi suất 0,83/tháng, kể từ ngày 10/6/2017 đến ngày 10/6/2022, lý do hiện tại ông N và bà O đã ly hôn. Số tiền bà Yyêu cầu cụ thể như sau: Ông Trần Phạm Đức N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ysố tiền 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trong đó, vốn là 46.500.0000 đồng, tiền lãi là 23.157.000 đồng; Bà Nguyễn Thị O phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ysố tiền 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trong đó vốn là 46.500.0000 đồng, tiền lãi là 23.157.000 đồng.

(Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của N đơn Võ Thị Ylà 04 bản chính giấy nợ N đơn cung cấp tại phiên tòa, BL số 02, 03, 03a, 03b).

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến, lời khai gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y.

\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng

dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. N đơn Võ Thị Y đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 280, 357, 430, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” với ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O.

Buộc ông Trần Phạm Đức N phải trả cho bà Võ Thị Y số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu là 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị O phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Y số tiền 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt ông Nghĩa, bà Phía là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào năm 2016, bà Võ Thị Y có bán thức ăn và thuốc thủy sản tại nhà, địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Việc kinh doanh không có hiệu quả, do đó bà Y nghỉ, không còn bán nữa. Trong thời gian bà Võ Thị Y bán thức ăn và thuốc thủy sản thì bên ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O có mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà Y nhiều lần cụ thể như sau:

Từ ngày 08/05/2016 đến ngày 20/11/2016, vợ chồng ông N, bà O có mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ lại bà Y số tiền là **52.731.000 đồng** (Năm mươi hai triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng), hai bên có ký nhận số tiền trên.

Từ ngày 19/12/2016 đến ngày 31/5/2017, ông N và bà O có mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ bà Y số tiền là 91.733.000 đồng (Chín mươi một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Từ ngày 07/6/2017 đến ngày 09/6/2017, bên bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O đã hoàn trả cho bà Y số tiền là 51.464.000 đồng. Như vậy, số tiền bên bị đơn Phạm Đức N, Nguyễn Thị O còn nợ bà Y số tiền là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng). Việc bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O có thiếu tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà Y được hai bên ký vào các giấy nợ do bà Y cung cấp bản chính tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, tuy nhiên, ông N và bà O từ chối tham gia tố tụng. Vào ngày 19/12/2022, ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O đến Tòa án nhân dân huyện BD để giải quyết ly hôn nhưng vẫn tiếp tục từ chối tham gia

tổ tụng, không cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của N đơn Võ Thị Y theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó xem như bên bị đơn Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bên Võ Thị Y.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O đã ký tên vào các giấy nợ do N đơn Võ Thị Y cung cấp, điều đó chứng tỏ bên bị đơn đã nhận xong thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản do bên bà Y cung cấp, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên bà Y là vi phạm quy định tại Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bên N đơn Võ Thị Y khởi kiện yêu cầu bên bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O phải hoàn trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu với số tiền là 93.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Do đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên bị đơn Trần Phạm Đức N, Nguyễn Thị O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó bên N đơn Võ Thị Y yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng của số tiền vốn gốc 93.000.000 đồng từ ngày 10/6/2017 đến ngày 10/6/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Việc ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O mua thức ăn và thuốc thủy sản của N đơn Võ Thị Y phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời, bên ông N và bà O đều có ký tên vào giấy nợ, do đó ông N và bà O cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Y là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Quyết định ly hôn số 388/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022, Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O với anh Trần Phạm Đức N, do đó hôn nhân giữa chị O và anh N đã chấm dứt. Chính vì lẽ đó, mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Y phân nửa số nợ tương ứng với số tiền 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) là đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y được chấp nhận toàn bộ, do đó ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định là  $69.657.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.483.000 \text{ đồng}$  (Ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 280, 357, 430, 434, 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y đối với ông Trần Phạm Đức N và bà Nguyễn Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Trần Phạm Đức N phải hoàn trả cho bà Võ Thị Y số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu là 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trong đó vốn là 46.500.000 đồng, tiền lãi là 23.157.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị O phải hoàn trả cho bà Võ Thị Y số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu là 69.657.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trong đó vốn là 46.500.000 đồng, tiền lãi là 23.157.000 đồng.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Phạm Đức N phải chịu số tiền là 3.483.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị O phải chịu số tiền là 3.483.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Y số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 4.181.000 đồng (Bốn triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009271 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N đơn Võ Thị Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Trần Phạm Đức N và Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
( Đã ký)

**Nguyễn Đăng Phi**